

GIẢI PHÁP NÂNG CAO TÍNH BỀN VỮNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở CÁC TỈNH TRUNG DU MIỀN NÚI PHÍA BẮC ĐẾN NĂM 2020

Nguyễn Thanh Hải*, Phạm Ngọc Linh**

Được sự quan tâm đầu tư và hỗ trợ mạnh mẽ của Đảng và Chính phủ, sản xuất nông nghiệp (theo nghĩa rộng là cả lâm nghiệp và thủy sản) của các tỉnh vùng Trung du miền núi phía Bắc đã có sự khởi sắc trong phát triển. Từ chỗ là một ngành sản xuất lạc hậu, mang nặng tính tự nhiên, tự cấp, tự túc, nông nghiệp của các tỉnh trong vùng đã dần chuyển sang sản xuất theo hướng hàng hoá phục vụ cho thị trường ở trong và ngoài nước. Nhiều vùng sản xuất chuyên canh, tập trung, quy mô lớn đã được hình thành ở các địa phương trong vùng như: Vùng vải thiều Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang; vùng trồng và chế biến chè ở tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Phú Thọ; vùng nuôi bò sữa ở Mộc Châu, tỉnh Sơn La; vùng trồng rau- hoa- nuôi cá hồi ở Sa Pa, tỉnh Lào Cai... Giá trị sản xuất nông nghiệp của toàn vùng (tính theo giá 1994) đã tăng từ 12.619,1 tỷ đồng năm 2000 lên 20.814,7 tỷ đồng năm 2010; sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người cũng đã tăng từ 277,9 kg năm 2000 lên 412,6 kg năm 2010...

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan đưa lại, đặc biệt là điều kiện địa hình chia cắt phức tạp, kết cấu hạ tầng không đồng bộ và lạc hậu, trình độ dân trí thấp, nên tuy sản xuất nông nghiệp có phát triển nhưng chưa bền vững. So với bình quân chung cả nước, năng suất cây trồng, giá trị sản xuất làm ra trên 1 ha đất nông nghiệp, trên 1 lao động, thu nhập bình quân 1 tháng của người dân... vẫn còn một khoảng cách khá xa. Đặc biệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên phục vụ sản xuất nông nghiệp bị tàn phá khá nặng nề, nhất là nguồn tài nguyên đất đai, nước và rừng. Chính vì thế rất cần có những giải pháp đồng bộ, mạnh mẽ nhằm nâng cao tính bền vững của sản xuất nông nghiệp các tỉnh vùng Trung du miền núi phía Bắc, giúp cho nông nghiệp của vùng sớm theo kịp trình độ phát triển chung của nông nghiệp cả nước.

Từ khóa: Nông nghiệp, Trung du miền núi phía Bắc, giải pháp, tính bền vững.

1. Thực trạng phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững ở các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc thời gian qua

Vùng Trung du miền núi phía Bắc gồm 14 tỉnh: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Phú Thọ, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hoà Bình. Theo số liệu công bố năm 2011 của Tổng cục Thống kê, toàn vùng có diện tích 9.526.400 ha, chiếm 28,78% diện tích tự nhiên của cả nước. Trong đó diện tích đất sản xuất nông nghiệp rất hạn chế, chỉ có 1.570.600 ha, chiếm 16,5% diện tích tự nhiên của vùng; diện tích đất lâm nghiệp trái lại rất lớn, tới 5.662.700 ha, chiếm 59,4% trong tổng diện tích tự nhiên của vùng. Dân số của vùng năm 2011 là

11.290.500 người, chiếm 12,85% dân số cả nước, trong đó đồng bào các dân tộc thiểu số chiếm một bộ phận không nhỏ (có 35/54 dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam sống ở vùng này). Trung du miền núi phía Bắc còn có đường biên giới chung với nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa 1500 km và Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào 500 km.

Với đặc điểm như vậy, nên nông nghiệp (theo nghĩa rộng gồm cả lâm nghiệp và thủy sản) vẫn là ngành sản xuất chủ yếu giải quyết việc làm, bảo đảm đời sống cho đại bộ phận dân cư trong vùng (Năm 2011 dân số thành thị của vùng mới đạt tỷ lệ 16,9%), đồng thời cũng là ngành quan trọng gìn giữ môi trường sinh thái, đặc biệt là môi trường đất, nước và không khí cho toàn vùng và cho vùng Đông

bằng sông Hồng.

Chính vì thế, phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững ở các tỉnh vùng Trung du miền núi phía Bắc là một yêu cầu, một đòi hỏi bức xúc không chỉ đối với các địa phương trong vùng, mà còn là của cả đất nước, trước hết và trực tiếp là các tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng.

Nhận thức được tầm quan trọng đó, nên trong những năm vừa qua, đặc biệt là trong giai đoạn thực hiện chiến lược phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2000-2010 Đảng và Chính phủ đã có những ưu tiên đầu tư cho nông nghiệp của vùng này phát triển theo hướng bền vững, nhất là đầu tư tăng cường cơ sở vật chất-kỹ thuật phục vụ sản xuất, cho việc ứng dụng các tiến bộ mới về khoa học-công nghệ (nhất là việc đưa các giống cây trồng, con vật nuôi có năng suất cao, cho chất lượng sản phẩm tốt, có giá trị kinh tế lớn, song lại phù hợp với điều kiện đất đai, thời tiết-khí hậu của vùng vào sản xuất), cho việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn- kỹ thuật- quản lý cho người lao động...

Cùng với sự quan tâm của Trung ương, các địa phương trong vùng cũng đã đưa ra nhiều chủ trương, chính sách hợp lý và thông thoáng nhằm khuyến khích các hộ nông dân cũng như các thành phần kinh tế trên địa bàn tích cực đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững. Trong đó các chính sách có tác dụng nhất là: chính sách đất đai, chính sách hỗ trợ tín dụng, hỗ trợ giống cây trồng, con vật nuôi và chính sách hỗ trợ phòng chống thiên tai, dịch bệnh, chính sách thu mua, chế biến các sản phẩm do người nông dân làm ra.

Nhờ đó, nông nghiệp của các tỉnh vùng Trung du miền núi phía Bắc đã có sự phát triển khá tốt trong giai đoạn thực hiện chiến lược phát triển kinh tế- xã hội 2000-2010 vừa qua, cụ thể:

Thứ nhất, sản xuất nông nghiệp của vùng đã có sự tăng trưởng liên tục và khá ổn định

Từ năm 2000 đến năm 2010, tuy mức độ có khác nhau, song trên cả 3 lĩnh vực: Nông nghiệp-Lâm nghiệp và Thủy sản, vùng Trung du miền núi phía Bắc đều có sự phát triển tương đối khá và liên tục.

Bảng 1 cho thấy, năm 2010 so với năm 2000, giá trị của sản xuất nông nghiệp (theo nghĩa rộng) toàn vùng trung du miền núi phía Bắc tăng 64,95%, bình quân mỗi năm tăng được 6,49%. Trong đó ngành nông nghiệp (nghĩa hẹp) tăng 73,58%, bình quân mỗi năm tăng 7,36%; ngành lâm nghiệp tăng 18,51%, bình quân mỗi năm tăng 1,85%; và ngành thủy sản tăng 180,8%, bình quân mỗi năm tăng 18,08%. Có thể nói, đối với sản xuất nông nghiệp, đây là mức tăng khá cao. Mức tăng này thể hiện rõ nỗ lực của các địa phương trong vùng.

Thứ hai, sản xuất nông nghiệp của vùng đã tạo ra được một khối lượng nông sản khá lớn phục vụ cho nhu cầu của sản xuất và đời sống của người dân trong vùng và cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước

Nhờ biết tập trung khai thác các lợi thế của từng địa phương, cũng như từng bước thực hiện việc hình thành các vùng sản xuất tập trung, qui mô lớn theo hướng chuyên canh và thâm canh, nên sản xuất nông nghiệp của vùng Trung du miền núi phía Bắc đã ngày càng tạo ra được một khối lượng nông sản lớn cung cấp cho người dân trong vùng, cũng như cho thị trường trong nước và quốc tế.

Bảng 2 cho thấy sản lượng các sản phẩm chủ yếu do nông nghiệp vùng Trung du miền núi phía Bắc tạo ra đã tăng khá nhanh trong giai đoạn chiến lược 2000-2010. Trong đó đáng chú ý là sản lượng lúa tăng thêm 788.400 tấn, sản lượng ngô tăng thêm 886.700 tấn (năm 2010 chiếm 33,1% sản lượng ngô của cả nước). Nhờ đó, mặc dù năm 2010 so với năm 2000 dân số toàn vùng tăng thêm 946.900 người, song lượng lương thực tính bình quân đầu người trên địa bàn vẫn tăng từ 277,9 kg lên 412,6 kg, tăng thêm 134,7 kg/ người/năm. Về chăn nuôi, đàn trâu của vùng sau 10 năm tăng thêm 430.800 con, và năm 2010 chiếm tới 57,5% trong tổng đàn trâu của cả nước. Về lâm nghiệp, sản lượng gỗ khai thác được của vùng năm 2010 chiếm 32,8% sản lượng của cả nước.

Thứ ba, hiệu quả sản xuất nông nghiệp ở các địa phương vùng Trung du miền núi phía Bắc

Bảng 1: Giá trị sản xuất Nông-Lâm-Thủy sản vùng Trung du miền núi phía Bắc giai đoạn 2000-2010

Đơn vị tính: Tỷ đồng (giá 1994)

Ngành	2000	2003	2005	2007	2008	2009	2010
Nông nghiệp	10011,9	11872,6	13253,3	15490,1	16143,5	16580,5	17379,1
Lâm nghiệp	2394,2	2414,0	2440,6	2542,8	2623,6	2687,4	2837,4
Thủy sản	213,0	287,2	334,8	433,3	463,5	598,2	598,2
Tổng cộng	12619,1	14673,8	16028,7	18446,7	19230,6	19809,1	20814,7

Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2005,2010.

Bảng 2: Sản lượng một số sản phẩm chủ yếu của nông nghiệp vùng Trung du miền núi phía Bắc giai đoạn 2000-2010

Sản phẩm	ĐVT	2000	2003	2005	2007	2009	2010
S.lượng lúa	1000 tấn	2292,6	2749,2	2864,2	2891,9	3053,6	3081,0
S.lượng ngô	1000 tấn	640,4	883,0	1043,3	1401,7	1515,4	1527,1
LTBQ 1 người	Kg/ng/n	277,9	337,3	361,9	309,2	412,6	412,6
Số L đàn trâu	1000 con	1187,4	1162,0	1616,3	1697,2	1626,3	1618,2
Số.L đàn bò	1000 con	492,8	562,0	875,7	1088,0	1031,7	993,7
Số L đàn lợn	1000 con	3220,6	3880,7	5446,4	5558,6	6317,2	6602,1
Số L đàn G.cầm	1000 con	29437,0	39742	47835	51693	61224	67002
S.lượng gỗ KT	1000 m ³	719,5	687,3	996,7	1185,8	1279,9	1328,3
S.Lượng T.sản	Tấn	29581	38147	43946	55913	69957	75428

Nguồn: Niên giám Thống kê 2006, 2011

từng bước đã được nâng lên

Nhờ từng bước thực hiện chuyên canh và thâm canh sản xuất, nên hiệu quả sản xuất nông nghiệp của các địa phương vùng Trung du miền núi phía Bắc đã tăng dần trong giai đoạn vừa qua, nhất là giai đoạn 2008- 2011.

Bảng 3 cho thấy, giá trị sản phẩm trồng trọt thu được trên 1 ha đất trồng trọt của các tỉnh vùng Trung du miền núi phía Bắc đều tăng trong 4 năm từ 2008 đến 2011, trong đó có những tỉnh đạt mức tăng rất cao như tỉnh Hoà Bình tăng 25,69 triệu đồng/ha, tỉnh Bắc Kạn tăng 24,3 triệu đồng/ha...

Tuy nhiên, so với yêu cầu của sự phát triển, trước hết là so với bình quân chung của cả nước, nông nghiệp của các tỉnh vùng Trung du miền núi phía Bắc còn khá thấp kém, lạc hậu và chưa bền vững.

Điều này thể hiện rõ nhất qua các điểm sau đây:

- Thứ nhất, cơ cấu sản xuất nông nghiệp của vùng Trung du miền núi phía Bắc còn rất lạc hậu

Mặt dù là vùng rất có ưu thế về lâm nghiệp (đất lâm nghiệp chiếm 59,4% diện tích tự nhiên), song tỷ trọng của giá trị sản xuất lâm nghiệp trong tổng giá trị toàn ngành nông nghiệp (nghĩa rộng) liên tục giảm trong giai đoạn 2000-2010, từ 18,97% xuống còn 13,63%. Trong khi đó tỷ trọng giá trị trồng trọt và chăn nuôi lại tăng từ 79,34% năm 2000 lên 83,49% năm 2010.

- Thứ hai, trình độ thâm canh sản xuất nông nghiệp của vùng còn khá thấp

Năm 2010, trong khi năng suất lúa bình quân của cả nước là 53,2 tạ/ha, thì năng suất bình quân của

Bảng 3: Giá trị sản phẩm trồng trọt thu được trên 1 ha đất trồng trọt của các tỉnh vùng Trung du miền núi phía Bắc 2008-2011

Đơn vị tính: Triệu đ/ha

Tỉnh	2008	2009	2010	2011
1. Hà Giang	17,72	22,17	22,00	27,12
2.Cao Bằng	18,64	22,19	24,15	25,41
3. Bắc Kạn	14,88	23,38	32,62	39,18
4. Tuyên Quang	37,26	39,67	50,21	58,61
5. Lào Cai	24,23	30,08	31,71	37,01
6. Yên Bái	27,98	32,22	33,79	38,35
7. Thái Nguyên	35,48	40,10	44,43	52,86
8. Lạng Sơn	22,31	26,28	30,90	40,82
9. Bắc Giang	39,48	41,05	46,75	57,29
10. Phú Thọ	43,90	48,34	51,64	61,23
11. Điện Biên	15,31	18,28	23,66	28,02
12. Lai Châu	8,60	9,54	10,14	12,69
13. Sơn La	15,76	18,32	19,47	30,86
14. Hoà Bình	39,99	46,11	55,47	65,68
BQ toàn vùng	25,17	28,62	32,78	39,91
BQ cả nước	43,89	45,52	54,56	72,24

Tổng cục Thống kê (2012)

vùng Trung du miền núi phía Bắc mới đạt 46,4 tạ/ha; năng suất ngô bình quân của cả nước là 40,9 tạ/ha, thì năng suất bình quân của vùng Trung du miền núi phía Bắc mới đạt 33,2 tạ/ha.

-Thứ ba, hiệu quả của sản xuất nông nghiệp còn thấp

Năm 2011 trong khi giá trị sản phẩm trồng trọt thu được trên 1 ha đất trồng trọt bình quân chung cả nước đạt 72,24 triệu đồng/ha, thì bình quân của vùng Trung du miền núi phía Bắc mới đạt 39,91 triệu đồng/ha (Bảng 3).

-Thứ tư, thu nhập của người nông dân còn thấp, đời sống của họ còn nhiều khó khăn

Do sản xuất, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp còn chậm phát triển, nên thu nhập của người dân vùng Trung du miền núi phía Bắc còn khá thấp. Năm 2010, thu nhập bình quân đầu người một tháng của vùng Trung du miền núi phía Bắc là 905.000 đồng, trong khi đó của vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung là 1.018.000 đồng; Tây Nguyên là 1.088.000 đồng; Đồng bằng sông Cửu Long là 1.247.000 đồng; Đồng bằng Sông Hồng là 1.387.000 đồng và Đông Nam Bộ là 2.304.000 đồng. Thu nhập thấp, làm cho đời sống của người dân gặp nhiều khó khăn. Năm 2010 tỷ lệ hộ nghèo của vùng Trung du miền núi phía Bắc là 29,4%, Tây Nguyên là 22,2% và Đồng bằng Sông Hồng chỉ có 8,3%.

-Thứ năm, các nguồn tài nguyên nông nghiệp, nhất là tài nguyên đất, tài nguyên nước và tài nguyên rừng bị xâm hại, bị suy giảm nghiêm trọng

Do khai thác thiếu khoa học và chạy theo lợi ích trước mắt là chính, nên nhiều nguồn tài nguyên nông nghiệp của vùng Trung du miền núi phía Bắc đã bị suy giảm khá nghiêm trọng. Đất đai bị xói mòn và rửa trôi trở thành bạc màu, rừng bị tàn phá, nguồn nước bị ô nhiễm. Theo công bố của Tổng cục Thống kê, năm 2010 cả nước có 6723,3 ha rừng bị cháy, thì riêng vùng Trung du miền núi phía Bắc đã có tới 4085,4 ha, chiếm 60,76%.

2. Những giải pháp chủ yếu nâng cao tính bền vững phát triển nông nghiệp ở các tỉnh vùng Trung miền núi phía Bắc đến năm 2020

Để nâng cao tính bền vững phát triển nông nghiệp ở các tỉnh vùng Trung du và Miền núi phía Bắc đến năm 2020, chúng tôi cho rằng cần phải nghiên cứu và thực thi nghiêm túc một hệ thống các giải pháp đồng bộ, có cơ sở khoa học và có tính khả thi. Dưới đây là những giải pháp chủ yếu:

2.1. Tập trung làm tốt công tác quy hoạch phát triển nông nghiệp trên địa bàn toàn vùng cũng

như ở từng địa phương trong vùng

Để bảo đảm cho nông nghiệp của vùng trong những năm tới phát triển nhanh và theo hướng bền vững, việc cần làm đầu tiên là công tác quy hoạch. Các cơ quan có trách nhiệm của Trung ương trên cơ sở đánh giá chuẩn xác các điều kiện tự nhiên-kinh tế-xã hội của vùng Trung du và Miền núi phía Bắc có ảnh hưởng đối với phát triển nông nghiệp của vùng, cũng như trên cơ sở tổng kết thực trạng phát triển nông nghiệp ở đây qua nhiều năm, và căn cứ vào nhu cầu của đất nước đối với các sản phẩm nông nghiệp của vùng này trong những năm tới, tiến hành xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển nông nghiệp-lâm nghiệp và thủy sản cho toàn vùng trong một giai đoạn tương đối dài. Tuy là tổng thể, song quy hoạch phải chỉ ra được những lợi thế cơ bản của vùng trong sản xuất nông-lâm nghiệp và thủy sản, cũng như những sản phẩm chủ yếu vùng cần tập trung đầu tư phát triển.

Các tỉnh trong vùng căn cứ vào quy hoạch của Trung ương, đặc biệt là căn cứ vào điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội cụ thể của tỉnh mình tiến hành xây dựng quy hoạch phát triển nông-lâm nghiệp và thủy sản cho phù hợp. Quy hoạch phải xác định rõ trồng cây gì, nuôi con gì, ở đâu, bằng cách nào, cũng như phải xác định được vùng sản xuất tập trung, chuyên môn hoá đối với một số sản phẩm có lợi thế vượt trội của tỉnh mình. Tất nhiên, quy hoạch sản xuất phải đi liền với quy hoạch xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật, quy hoạch ứng dụng các tiến bộ khoa học-công nghệ vào sản xuất, quy hoạch đào tạo nguồn nhân lực... cho từng lĩnh vực sản xuất cụ thể.

2.2. Xây dựng các vùng chuyên canh sản xuất hàng hoá ở các tỉnh hoặc liên tỉnh có lợi thế

Do điều kiện đất đai, thời tiết và khí hậu mang lại, nên ở các tỉnh vùng Trung du và Miền núi phía Bắc có những lợi thế đặc biệt trong phát triển nông-lâm-thủy sản, đặc biệt là trong việc trồng các loại rau, hoa, củ quả và nuôi một số loài động vật cũng như thủy sản có nguồn gốc ôn đới và á nhiệt đới. Muốn khai thác các lợi thế này phải hình thành các vùng chuyên canh sản xuất. Phải nghiên cứu kỹ lưỡng về điều kiện đất đai, thời tiết, khí hậu của nơi định hình thành vùng chuyên canh, cũng như truyền thống và kinh nghiệm sản xuất của người dân ở đây, từ đó xác định quy mô của vùng cho hợp lý. Quy mô của vùng chuyên canh được xác định phải vừa đảm bảo tận dụng tối đa lợi thế đã có, vừa đủ lớn để có thể tạo ra một lượng sản phẩm hàng hoá cần thiết cung cấp cho thị trường trong nước và quốc tế, không gây lãng phí đối với việc đầu tư. Khi đã xác định được vùng chuyên canh rồi phải có chính sách thông

thoáng để huy động các nguồn lực để xây dựng nó, cũng như phải tạo nguồn nhân lực có đủ trình độ để phục vụ cho sự phát triển của vùng.

2.3. Tập trung đầu tư thoả đáng cho việc xây dựng cơ sở vật chất- kỹ thuật phục vụ cho phát triển sản xuất của toàn vùng, cũng như của từng tỉnh trong vùng

Trên cơ sở quy hoạch phát triển nông nghiệp của vùng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các tỉnh phải nghiên cứu để đưa ra được các cơ chế và chính sách hợp lý, thật sự có tác dụng khuyến khích, để huy động mọi nguồn lực (của Nhà nước, của các thành phần kinh tế, của người dân, kể cả trong và ngoài vùng, trong và ngoài nước) cho việc hoàn thiện, mở rộng và nâng cấp theo hướng đồng bộ và hiện đại hệ thống cơ sở vật chất- kỹ thuật phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp của địa phương mình, từ thủy lợi, giao thông- nhất là giao thông nội đồng, cung cấp điện, cung cấp các loại máy móc- thiết bị- vật tư phục vụ sản xuất- hệ thống kho chứa vật tư, bảo quản sản phẩm.

Kết cấu hạ tầng hiện đại là điều kiện hàng đầu bảo đảm cho nông nghiệp phát triển nhanh theo hướng bền vững và gắn bó chặt chẽ, mật thiết với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Bởi lẽ, chỉ khi có được một cơ sở vật chất- kỹ thuật hiện đại, thì sản xuất nông nghiệp mới có thể thực hiện được 6 hoá: Thủy lợi hoá, cơ giới hoá, hoá học hoá, điện khí hoá, tự động hoá và sinh học hoá. Nói cách khác, nông nghiệp mới thực sự trở thành ngành sản xuất hiện đại. Và khi nông nghiệp đạt trình độ hiện đại, thì mới có điều kiện thật sự để phát triển bền vững. Tuy nhiên, trong điều kiện nguồn lực có hạn, phải chọn khâu đột phá để có sự ưu tiên trong phát triển. Ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc, khâu đột phá đó theo chúng tôi là giao thông. Phát triển và hiện đại hoá hệ thống giao thông nên theo hướng: mở rộng lòng đường đến các xã và thôn, bảo đảm các loại xe cộ, máy móc có thể đi lại, tránh nhau thuận lợi, thực hiện nhựa hoá và bê tông hoá hệ thống đường này. Đối với giao thông nội đồng, ưu tiên xây dựng trước ở các vùng chuyên canh sản xuất hàng hoá có quy mô lớn.

Phương thức mở rộng, nâng cấp và hiện đại hoá hệ thống cơ sở vật chất- kỹ thuật trên địa bàn toàn vùng, đặc biệt là ở từng tỉnh nên đa dạng. Có những thứ phải tìm mọi cách tranh thủ nguồn đầu tư của Trung ương, có thứ phải huy động sức dân, và có thứ phải thực hiện dưới hình thức công- tư kết hợp. Tuy nhiên, trong điều kiện nguồn lực tài chính của các tỉnh cũng như của người dân trong vùng còn hạn hẹp, cần hết sức coi trọng việc huy động bên ngoài-

kể cả của quốc tế.

2.4. Cần lựa chọn hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện và đặc điểm của vùng Trung du miền núi phía Bắc

Hình thức tổ chức có vai trò rất quan trọng trong sản xuất nông nghiệp. Hình thức tổ chức không chỉ phải phù hợp với quan hệ sản xuất, mà còn phải phù hợp với đặc điểm tự nhiên- kinh tế- xã hội của từng vùng cụ thể. Hình thức tổ chức phù hợp, sẽ là động lực quan trọng, động lực to lớn thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển. Ngược lại, hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp không phù hợp, sẽ tạo ra lực cản rất lớn đối với sự phát triển của ngành kinh tế quan trọng này.

Thực tiễn phát triển của nền nông nghiệp thế giới trên 300 năm nay, đặc biệt là ở các nước có nền kinh tế phát triển đã cho thấy, trang trại là hình thức tổ chức sản xuất phù hợp nhất với đặc điểm của sản xuất nông nghiệp và cho hiệu quả cao nhất. Vậy, để bảo đảm phát triển theo hướng bền vững, từ nay đến năm 2020 các tỉnh vùng Trung du và Miền núi phía Bắc chọn hình thức tổ chức sản xuất nào cho nông nghiệp.

Xuất phát từ kinh nghiệm của thế giới, căn cứ vào thực trạng phát triển nông nghiệp của các tỉnh trong vùng thời gian vừa qua, đặc biệt là xuất phát từ điều kiện cụ thể của vùng (đất đồi núi nhiều, dân cư sống phân tán, địa hình chia cắt, trình độ mọi mặt của người nông dân còn hạn chế) và trên cơ sở dự báo xu hướng phát triển của nông nghiệp trong tương lai, chúng tôi cho rằng từ nay đến năm 2020 và có thể xa hơn, các tỉnh vùng Trung du miền núi phía Bắc nên coi trang trại là hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp chủ yếu của địa phương mình.

2.5. Cần lựa chọn phương thức canh tác phù hợp với điều kiện của vùng Trung du và Miền núi phía Bắc nói chung, của từng tỉnh trong vùng nói riêng

Phương thức canh tác có ảnh hưởng rất lớn đối với sự phát triển bền vững của sản xuất nông nghiệp. Trong sản xuất nông nghiệp có hai phương thức canh tác cơ bản là quảng canh và thâm canh. Trong đó quảng canh là phương thức canh tác lạc hậu vì nó tăng sản lượng sản phẩm nông nghiệp dựa trên nền tảng khai thác kiệt quệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên; còn thâm canh là phương thức canh tác tiên tiến, việc tăng sản lượng các loại nông sản chủ yếu dựa trên cơ sở ứng dụng các tiến bộ khoa học- công nghệ, vào đầu tư chiều sâu. Chính vì thế thâm canh là còn phương thức chủ yếu của phát triển nông nghiệp.

Trong thực tiễn, có nhiều mô hình sản xuất có thể bảo đảm tốt phương thức thâm canh cho vùng trung du và miền núi. Có thể là mô hình ruộng-vườn-ao chuồng, hay vườn- ao- chuồng, hoặc rừng- ao- chuồng... cách thức chung là nông- lâm kết hợp, hoặc nông- lâm- thủy sản kết hợp. Sử dụng mô hình nào cho có hiệu quả là tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của từng vùng và năng lực của từng nông hộ. Tất nhiên, trong giai đoạn từ nay đến năm 2020, chúng tôi cho rằng các tỉnh vùng Trung du và Miền núi phía Bắc cần tập trung mạnh hơn, quyết liệt hơn cho việc thâm canh sản xuất nông nghiệp.

2.6. Đầu tư nhiều hơn cho việc tiếp thu và ứng dụng các tiến bộ mới của khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp của các địa phương trong vùng

Trong những năm vừa qua, đặc biệt là một vài thập kỷ gần đây nhân loại đã đạt được những bước tiến hết sức quan trọng trong các lĩnh vực khoa học-công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp, từ công nghệ tưới tiêu nước cho cây trồng, công nghệ cơ khí, công nghệ điện, công nghệ hoá chất, công nghệ tự động hoá cho đến công nghệ sinh học. Đặc biệt, sự tiến bộ trong công nghệ sinh học như công nghệ biến đổi gen, công nghệ nuôi cấy mô, công nghệ nano đã tạo ra một thời kỳ mới cho sự phát triển của ngành sản xuất quan trọng này theo hướng bền vững.

Chính vì thế, cách tốt nhất để các tỉnh vùng Trung du miền núi phía Bắc tạo ra sự phát triển nhanh, phát triển theo hướng bền vững đối với sản xuất nông nghiệp là mạnh dạn đầu tư nhiều hơn cho việc tiếp thu và ứng dụng các tiến bộ mới về khoa học-công nghệ vào lĩnh vực sản xuất này. Tuy nhiên, các tiến bộ khoa học-công nghệ chỉ thực sự phát huy tác dụng và đem lại hiệu quả cao khi biết sử dụng hợp lý nó. Điều này có nghĩa là, tiến bộ mới về khoa học- công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp có rất nhiều, việc sử dụng cái gì phải có sự tính toán, cân nhắc cho phù hợp. Xuất phát từ điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của các tỉnh vùng Trung du Miền núi phía Bắc, chúng tôi cho rằng: Về tổng thể nên tập trung ưu tiên đầu tư cho việc ứng dụng các tiến bộ của công nghệ sinh học vào sản xuất, nhất là sử dụng các giống cây trồng, con vật nuôi thích ứng được với điều kiện thời tiết, khí hậu của vùng, nhưng lại cho năng suất cao và chất lượng sản phẩm tốt. Tiếp đến là đầu tư cho việc ứng dụng các tiến bộ về tưới tiêu, về hoá học hoá, cơ giới hoá và điện khí hoá.

2.7. Đầu tư thoả đáng cho việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ sản xuất nông

ng nghiệp của vùng

Như chúng tôi đã đề cập, lao động của các tỉnh vùng Trung du và miền núi phía Bắc chủ yếu là lao động nông nghiệp, và điều đáng nói là một bộ phận không nhỏ trong số lao động này là đồng bào các dân tộc thiểu số. Vì vậy, đa phần là họ làm nông nghiệp theo kinh nghiệm cha truyền con nối từ đời này sang đời khác là chính, những hiểu biết về chuyên môn là rất hạn chế, thậm chí một số người còn chưa thoát nạn mù chữ. Trong khi đó, muốn phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững thì đòi hỏi phải ứng dụng các tiến bộ khoa học-công nghệ vào sản xuất. Đây là một mâu thuẫn lớn của các địa phương vùng Trung du miền núi phía Bắc cần được các cấp, các ngành quan tâm đầu tư giải quyết.

Hướng giải quyết theo chúng tôi là: đối với những lao động trên 35 tuổi chủ yếu là tập huấn kỹ thuật do các tổ chức khuyến nông, khuyến lâm đảm nhận. Số lao động dưới 35 tuổi nên đào tạo bài bản thông qua các trung tâm dạy nghề, hoặc các trường nghề ở địa phương.

2.8. Quan tâm đầu tư phát triển các loại dịch vụ hỗ trợ phát triển nông nghiệp

Để sản xuất nông nghiệp đi sâu vào chuyên môn hoá sản xuất, từ đó tạo ra được ngày càng nhiều các loại nông sản có chất lượng cao cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước, vấn đề không thể thiếu được là phải xây dựng và phát triển đồng bộ hệ thống dịch vụ hỗ trợ nó, tách hệ thống dịch vụ ra thành một ngành độc lập là xu hướng tất yếu của quá trình xây dựng và phát triển nền nông nghiệp hiện đại.

Có nhiều loại dịch vụ cho sản xuất nông nghiệp: Dịch vụ tưới tiêu, dịch vụ làm đất, dịch vụ cung ứng máy móc, thiết bị, vật tư, dịch vụ cung cấp các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc phòng trừ dịch bệnh, dịch vụ thu hoạch sản phẩm, dịch vụ bảo quản và chế biến các loại sản phẩm. Hệ thống dịch vụ phát triển đến mức độ nào chủ yếu phụ thuộc vào trình độ chuyên môn hoá của sản xuất nông nghiệp tại thời điểm đó, cũng như tầm nhìn của đội ngũ cán bộ quản lý và các nguồn lực mà địa phương có thể huy động được.

Đối với các tỉnh vùng Trung du miền núi phía Bắc, xuất phát từ thực trạng phát triển của nền nông nghiệp trên địa bàn những năm vừa qua, cũng như định hướng phát triển của những năm tới, chúng tôi cho rằng các địa phương trong vùng cần ưu tiên đầu tư phát triển những lĩnh vực dịch vụ chủ yếu sau đây:

-Thứ nhất, ưu tiên phát triển dịch vụ tưới tiêu.

Bảo đảm tưới đủ, tưới kịp thời và tưới hợp lý cho các vùng trồng lúa nước, trồng ngô, trồng rau, màu và hoa, trồng cây ăn quả và cây công nghiệp tập trung trên địa bàn từng tỉnh.

- Thứ hai, đầu tư phát triển mạnh dịch vụ cung cấp các loại giống cây trồng, con vật nuôi có chất lượng, phục vụ sản xuất của người dân trong vùng. Chất lượng ở đây được hiểu là các con giống, cây giống thích hợp với điều kiện đất đai, thời tiết, khí hậu của các tỉnh, cho năng suất cao, chất lượng sản phẩm tốt.

- Thứ ba, Đầu tư và khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài địa bàn đầu tư hình thành rộng rãi, đều khắp mạng lưới dịch vụ cung cấp các loại máy móc, thiết bị, vật tư, phân bón, thuốc phòng trừ dịch bệnh, thức ăn gia súc, gia cầm... để phục vụ kịp thời cho nhu cầu của người dân.

- Thứ tư, xây dựng mạng lưới dịch vụ thú y, bảo

đảm phủ kín địa bàn tất cả các xã thuộc mọi tỉnh trong vùng.

- Thứ năm, có cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế trên địa bàn hình thành mạng lưới tiêu thụ nông sản ổn định cho người nông dân.

Tóm lại, nông nghiệp các tỉnh vùng Trung du miền núi phía Bắc có vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế- xã hội, bảo vệ môi trường và bảo đảm an ninh quốc phòng của đất nước. Vì thế, phải đầu tư thoả đáng cho sự phát triển của lĩnh vực kinh tế này trên địa bàn của vùng và từng bước đưa nó phát triển theo hướng bền vững. Tám giải pháp chúng tôi đưa ra sẽ góp phần giúp nâng cao tính bền vững của phát triển nông nghiệp các tỉnh vùng Trung du miền núi phía Bắc trong những năm tới. Tuy nhiên, để có được thành công, các giải pháp đòi hỏi phải được thực thi đồng bộ và quyết liệt. □

Tài liệu tham khảo:

Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, Nhà xuất bản Chính Trị quốc gia, Hà Nội.
Lê Du Phong và Hoàng Văn Hoa (1998), Phát triển kinh tế-xã hội các vùng dân tộc và miền núi theo hướng CNH, HĐH, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Niên giám Thống kê năm 2005,2010,2011.

Toàn cảnh kinh tế Việt Nam (2010), NXB Chính trị-Hành chính, Hà Nội.

Tổng cục Thống kê (2012), Kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011, NXB Thống kê năm 2012.

Solutions to improving the sustainability of agricultural development in the Northern mountainous provinces to 2020

Abstract:

With the investment and strong support from the Government and the Communist Party of Vietnam, it can be seen the good signs in the development of agriculture production in the northern mountainous area. From an outdated, autarkical production which much depends on natural resource, it changes towards production for both domestic and international market. Some large specialised production regions are formed in some local areas. The real value of the agriculture production of the whole areas (price 1994) increased from 12,169.1 billion VND in 2000 to 20,814.7 billion in 2010. There is also a growth in the food production per capita from 277.9 kg in 2000 to 412.6 kg in 2010. However, because of some objective and subjective factors, especially the topographical factor, infrastructure and poor education, the agriculture production is not sustainable. There is a big gap if compares the the region's productivity and farming household income to those of the nationwide. The natural resources is damaged seriously. Therefore, synchronous effective solutions to the sustainable development of agriculture production in the region should be provided.

Thông tin tác giả:

* **Nguyễn Thanh Hải**, thạc sĩ, nghiên cứu sinh

- Nơi công tác: Huyện ủy Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ
email: haintpht@gmail.com

** **Phạm Ngọc Linh**, phó giáo sư, tiến sĩ

- Nơi công tác: Vụ Khoa học và công nghệ, môi trường- Ban Tuyên giáo Trung ương
email: linhha95@yahoo.com